

**DANH SÁCH SỔ BẢO DANH THÍ SINH THAM GIA VÒNG THI PHÒNG VẤN
ĐỢT XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH GIÁO VIÊN TIỂU HỌC, CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP HẠNG IV (MS: V.07.03.09)**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ GDPT	Trình độ chuyên môn cao nhất		Trình độ chuyên môn theo hợp đồng lao động		Chứng chỉ			Vị trí dự tuyển	Ngày ký Hợp đồng lao động	Thời gian đóng BHXH		Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chức danh NN			Mốc thời gian	Thời gian đóng BHXH liên tục đến 07/2020		
1	TH 01	Lê Thị Tuyết Anh	10/10/1992	12/12	ĐH	GDTH	TC	SPTH	B	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TH	04/03/2014	3/2014	6 năm 5 tháng		
2	TH 02	Mai Kim Anh	08/01/1991	12/12	ĐH	SPTA	CĐ	TA	TPháp-B	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TA	01/03/2015	3/2015	5 năm 4 tháng		
3	TH 03	Nguyễn Thị Hà Anh	22/01/1992	12/12	ĐH	SPTA	CĐ	TA	T.trung-B	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TA	01/03/2015	3/2015	5 năm 4 tháng		
4	TH 04	Bùi Thị Ngọc Ánh	21/11/1993	12/12	ĐH	GDTH	CĐ	GDTH	TA-A2	A	Hạng II	Giáo viên TH	10/10/2014	10/2014	5 năm 10 tháng		
5	TH 05	Trần Thị Châu	10/06/1990	12/12	ĐH	GDTH	CĐ	GDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng III	Giáo viên TH	20/8/2013	9/2013	6 năm 10 tháng		
6	TH 06	Hoàng Thị Kim Chi	05/12/1990	12/12	ĐH	GDTH	TC	GDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng III	Giáo viên TH	19/10/2012	11/2012	7 năm 8 tháng		
7	TH 07	Nguyễn Thị Cúc	01/12/1992	12/12	CĐ	GDTH	CĐ	GDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng III	Giáo viên TH	01/03/2015	3/2015	5 năm 4 tháng		
8	TH 08	Nguyễn Ngọc Cường	20/10/1990	12/12	ĐH	GDTC-	CĐ	GDTC	B	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TD	04/03/2014	3/2014	6 năm 4 tháng		
9	TH 09	H' Dên Niê	17/02/1993	12/12	ĐH	GDTH	TC	GDTH	TA-A2	A	Hạng III	Giáo viên TH	01/03/2015	3/2015	5 năm 4 tháng	DTTS	
10	TH 10	Đoàn Thị Mỹ Dung	29/03/1990	12/12	ĐH	SPTA	CĐ	TA	TPháp-B	B	Hạng II	Giáo viên TA	10/09/2011	9/2011	8 năm 10 tháng		
11	TH 11	Lê Thị Thùy Dung	13/01/1993	12/12	CĐ	GDTC	CĐ	GDTC	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng III	Giáo viên TD	01/07/2014	8/2014	5 năm 11 tháng		



STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ GDPT	Trình độ chuyên môn cao nhất		Trình độ chuyên môn theo hợp đồng lao động		Chứng chỉ			Vị trí dự tuyển	Ngày ký Hợp đồng lao động	Thời gian đóng BHXH		Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chức danh NN			Mốc thời gian	Thời gian đóng BHXH liên tục đến 07/2020		
12	TH 12	Nguyễn Thị Trang Đài	22/12/1990	12/12	ĐH	GDTH	ĐH	GDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TH	19/10/2012	11/2012	7 năm 8 tháng	DTTS	
13	TH 13	Nguyễn Thị Phụng Đan	21/10/1993	12/12	ĐH	SPTA	CĐ	TA	TPháp-B	B	Hạng II	Giáo viên TA	01/03/2015	3/2015	5 năm 5 tháng		
14	TH 14	H' Guah Hmők	20/11/1991	12/12	CĐ	GDTH	CĐ	GDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng III	Giáo viên TH	20/08/2013	9/2013	6 năm 11 tháng	DTTS	
15	TH 15	Thái Thị Hà	10/02/1984	12/12	ĐH	SPTA	ĐH	SPTA	SP Nga	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TA	10/09/2011	9/2011	8 năm 10 tháng		
16	TH 16	Lê Văn Hải	19/11/1989	12/12	ĐH	GDTC	ĐH	GDTC	TA-A2	A	Hạng II	Giáo viên TD	01/07/2014	8/2014	5 năm 11 tháng	GD CS	
17	TH 17	Đào Thị Thu Hằng	05/05/1991	12/12	ĐH	SPTA	CĐ	TA	T.trung-B	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TA	01/03/2015	3/2015	5 năm 4 tháng		
18	TH 18	Nguyễn Thị Hằng	22/11/1990	12/12	CĐ	SP MT	CĐ	SP MT	TA-A2	THVP	Hạng III	Giáo viên MT	20/08/2013	9/2013	6 năm 10 tháng		
19	TH 19	Nguyễn Thị Hằng	07/11/1990	12/12	ĐH	GDTC	CĐ	Sinh học (GDTC)	TA-A2	THVP	Hạng II	Giáo viên TD	01/07/2014	8/2014	5 năm 11 tháng		
20	TH 20	Đặng Thị Lệ Hiền	13/07/1987	12/12	CĐ	GDTC	CĐ	GDTC	TA-A2	B	Hạng III	Giáo viên TD	10/09/2011	9/2011	8 năm 10 tháng		
21	TH 21	Nguyễn Thị Hiền	18/6/1993	12/12	ĐH	GDTH	CĐ	GDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TH	10/10/2014	10/2014	5 năm 9 tháng		
22	TH 22	Đỗ Tấn Hiền	28/03/1987	12/12	ĐH	GDTC	CĐ	SPTDĐT	TA-A2	B	Hạng II	Giáo viên TD	10/09/2011	9/2011	8 năm 11 tháng		
23	TH 23	Nguyễn Văn Hiệp	29/01/1994	12/12	ĐH	GDTH	TC	GDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TH	10/10/2014	10/2014	5 năm 9 tháng		
24	TH 24	Nguyễn Thị Thúy Hòa	01/06/1991	12/12	ĐH	SPTA	CĐ	TA	TPháp-B	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TA	15/04/2015	4/2015	5 năm 3 tháng		
25	TH 25	Phan Thị Hòa	06/10/1992	12/12	CĐ	GDTH	CĐ	GDTH	B	B	Hạng III	Giáo viên TH	15/04/2015	4/2015	5 năm 3 tháng		

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ GDPT	Trình độ chuyên môn cao nhất		Trình độ chuyên môn theo hợp đồng lao động		Chứng chỉ			Vị trí dự tuyển	Ngày ký Hợp đồng lao động	Thời gian đóng BHXH		Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chức danh NN			Mốc thời gian	Thời gian đóng BHXH liên tục đến 07/2020		
26	TH 26	Phạm Thị Việt Hoài	02/04/1989	12/12	ĐH TC	Văn học SPTH	ĐH	Văn học	B	A	Hạng II	Giáo viên TH	01/07/2014	7/2014	6 năm 0 tháng		
27	TH 27	Trần Thị Thu Hoài	08/07/1991	12/12	ĐH	GDTH	CĐ	SPGDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TH	04/03/2014	3/2014	6 năm 4 tháng		
28	TH 28	Trần Thị Kim Huệ	10/10/1992	12/12	ĐH	GDTH	ĐH	GDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TH	10/10/2014	11/2014	5 năm 8 tháng		
29	TH 29	Nguyễn Thị Thu Hường	08/09/1991	12/12	ĐH	GDTH	CĐ	GDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TH	20/08/2013	9/2013	6 năm 10 tháng		
30	TH 30	Nguyễn Đình Hữu	08/01/1988	12/12	CĐ	GDTH	TC	GDTH	B	ƯDCN TTCB	Hạng III	Giáo viên TH	15/04/2015	4/2015	5 năm 3 tháng	QN XN	
31	TH 31	Phạm Lê Đăng Khoa	14/08/1991	9/12	ĐH	SPAN	CĐ	SPAN	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên AN	01/07/2014	7/2014	6 năm 0 tháng		
32	TH 32	Hồ Thị Lan	13/08/1990	12/12	ĐH	GDTH	TC	GDTH	TA-A2	B	Hạng III	Giáo viên TH	10/10/2014	10/2014	5 năm 9 tháng		
33	TH 33	Trương Thị Ngọc Lệ	14/10/1991	12/12	ĐH	CNTT	CĐ	V.Lý-Tin	TA-A2		Hạng III	Giáo viên Tin học	20/08/2013	9/2013	6 năm 10 tháng		
34	TH 34	Trần Thị Kim Liên	25/04/1986	12/12	ĐH	GDTH	TC	SPGDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TH	19/10/2012	11/2012	7 năm 8 tháng		
35	TH 35	Phạm Thị Mai Linh	02/02/1986	12/12	CĐ	SPMT	CĐ	SPMT	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng III	Giáo viên MT	10/09/2011	9/2011	8 năm 10 tháng		
36	TH 36	Trần Thị Thùy Linh	10/08/1992	12/12	ĐH	GDTH	CĐ	GDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TH	01/07/2014	8/2014	5 năm 11 tháng		
37	TH 37	Tổng Thị Ly	21/09/1990	12/12	CĐ	SPT-T	CĐ	SPT-T	TA-A2	THVP	Hạng III	Giáo viên Tin học	19/10/2012	10/2012	7 năm 9 tháng		
38	TH 38	Phạm Thị Mát	05/07/1989	12/12	ĐH	GDTH	ĐH	GDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TH	19/10/2012	11/2012	7 năm 9 tháng		
39	TH 39	H 'Mê Ry Buôn Krông	04/09/1989	12/12	ĐH	GDTH	ĐH	GDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TH	20/08/2013	9/2013	6 năm 10 tháng	DTTS	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ GDPT	Trình độ chuyên môn cao nhất		Trình độ chuyên môn theo hợp đồng lao động		Chức chỉ			Vị trí dự tuyển	Ngày ký Hợp đồng lao động	Thời gian đóng BHXH		Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chức danh NN			Mốc thời gian	Thời gian đóng BHXH liên tục đến 07/2020		
40	TH 40	Nguyễn Đức Minh	27/01/1983	12/12	ĐH	SPTDTT	ĐH	SPTDTT	TA-A2	B	Hạng II	Giáo viên TD	10/09/2011	9/2011	8 năm 10 tháng		
41	TH 41	Nguyễn Thị Thanh Mỹ	01/01/1977	12/12	CĐ	TA	CĐ	TA	TPháp-A2	B	Hạng III	Giáo viên TA	10/09/2011	9/2011	8 năm 11 tháng		
42	TH 42	Nguyễn Thị Ngân	19/01/1989	12/12	ĐH	GDTH	ĐH	GDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TH	19/10/2012	11/2012	7 năm 8 tháng		
43	TH 43	Nguyễn Thị Phương Ngân	10/09/1991	12/12	ĐH	SPTA	CĐ	TA	TPháp-B	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TA	04/03/2014	03/2014	6 năm 4 tháng		
44	TH 44	Đoàn Thị Oanh	28/06/1991	12/12	ĐH	GDTH	TC	GDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TH	20/08/2013	01/2013	7 năm 6 tháng		
45	TH 45	Vũ Thị Oanh	27/02/1984	12/12	ĐH	GDTH	ĐH	GDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TH	10/09/2011	9/2011	8 năm 10 tháng		
46	TH 46	Lê Hoàng Phi	28/07/1991	12/12	ĐH	GDTC-QP	ĐH	GDTC-QP	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TD	15/04/2015	4/2015	5 năm 3 tháng		
47	TH 47	Nguyễn Thị Phúc	10/01/1992	12/12	CĐ	GDTH	CĐ	GDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng III	Giáo viên TH	01/03/2015	3/2015	5 năm 4 tháng		
48	TH 48	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	25/01/1992	12/12	ĐH	SPTH	TC	SPGDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TH	04/03/2014	3/2014	6 năm 4 tháng		
49	TH 49	Đinh Ngọc Quốc	05/11/1986	12/12	ĐH	SPKTCN-TH	CĐ	SPKTCN-TH	TA-A2		Hạng II	Giáo viên Tin học	10/09/2011	9/2011	8 năm 10 tháng	QN XN	
50	TH 50	Võ Thị Mai Rin	28/02/1984	12/12	ĐH	GDTH	ĐH	GDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TH	10/09/2011	9/2011	8 năm 10 tháng		
51	TH 51	H' Rữn Hmők	01/09/1991	9/12	ĐH	GDTH	TC	SPTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng III	Giáo viên TH	20/08/2013	9/2013	6 năm 10 tháng	DTTS	
52	TH 52	Phạm Thị Lệ Tha	08/06/1989	12/12	ĐH	SPTA	CĐ	TA	TPháp-B	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TA	10/09/2011	9/2011	8 năm 10 tháng		
53	TH 53	Vũ Đình Thành	08/01/1987	12/12	ĐH (Th.s)	GDTC-KHGD	ĐH	GDTC	TA-B1	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TD	15/04/2015	4/2015	5 năm 3 tháng		

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ GDPT	Trình độ chuyên môn cao nhất		Trình độ chuyên môn theo hợp đồng lao động		Chứng chỉ			Vị trí dự tuyển	Ngày ký Hợp đồng lao động	Thời gian đóng BHXH		Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chức danh NN			Mốc thời gian	Thời gian đóng BHXH liên tục đến 07/2020		
54	TH 54	Vũ Tiến Thăng	15/02/1990	12/12	ĐH	SP.Tin học	CĐ	KHMT	TA-B	ƯDCN TTCB	Hạng III	Giáo viên Tin học	10/10/2014	10/2014	5 năm 9 tháng		
55	TH 55	Trần Thị Thông	08/07/1992	12/12	ĐH	GDTH	ĐH	GDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TH	10/10/2014	11/2014	5 năm 8 tháng		
56	TH 56	Đào Thị Thanh Thủy	23/11/1987	12/12	ĐH	GDTH	ĐH	GDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TH	04/03/2014	10/2012	7 năm 5 tháng		
57	TH 57	Nguyễn Thị Thương	15/09/1989	12/12	ĐH	GDTH	ĐH	GDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TH	19/10/2012	10/2012	7 năm 9 tháng		
58	TH 58	Phan Văn Tuấn	12/07/1985	12/12	ĐH	GDTC	CĐ	GDTC	TA-A2	THVP	Hạng II	Giáo viên TD	20/08/2013	11/2009	8 năm 4 tháng		
59	TH 59	Phạm Thị Bích Tuyền	21/10/1992	12/12	ĐH	GDTH	TC	GDTH	TA-A2	A	Hạng II	Giáo viên TH	20/08/2013	9/2013	6 năm 10 tháng		
60	TH 60	H' Tuyết Ênuôi	20/10/1994	12/12	ĐH	GDTH	TC	SPTH	B	ƯDCN TTCB	Hạng III	Giáo viên TH	01/03/2015	3/2015	5 năm 4 tháng	DTTS	
61	TH 61	Vũ Thị Tươi	27/04/1991	12/12	ĐH	GDTH	TC	GDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TH	20/08/2013	9/2013	6 năm 11 tháng		
62	TH 62	Ngô Thị Vân	20/06/1991	12/12	ĐH	GDTH	CĐ	GDTH	B	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TH	10/10/2014	10/2014	5 năm 9 tháng	Con TB	
63	TH 63	Nguyễn Thị Tuyết Vân	05/10/1985	12/12	ĐH	GDTH	CĐ	SPGDĐB	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TH	10/09/2011	9/2011	8 năm 10 tháng		
64	TH 64	Trương Thị Vân	27/03/1989	12/12	ĐH	SPTA	ĐH	SPTA	TPháp-B	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TA	19/10/2012	11/2012	7 năm 9 tháng		
65	TH 65	Nguyễn Quốc Vũ	10/06/1990	12/12	ĐH	GDTH	CĐ	GDTH	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng II	Giáo viên TH	20/08/2013	9/2013	6 năm 10 tháng		
66	TH 66	Phùng Anh Vũ	31/01/1985	12/12	CĐ	SPTD	CĐ	SPTD	TA-A2	ƯDCN TTCB	Hạng III	Giáo viên TD	04/03/2014	11/2012	7 năm 6 tháng		
67	TH 67	Đặng Quốc Vượng	29/12/1990	12/12	ĐH	SPTA	CĐ	TA	TPháp-B	A	Hạng II	Giáo viên TA	19/10/2012	10/2012	7 năm 9 tháng		

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ GDPT	Trình độ chuyên môn cao nhất		Trình độ chuyên môn theo hợp đồng lao động		Chứng chỉ			Vị trí dự tuyển	Ngày ký Hợp đồng lao động	Thời gian đóng BHXH		Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chức danh NN			Mốc thời gian	Thời gian đóng BHXH liên tục đến 07/2020		
68	TH 68	Lê Văn Vượng	29/05/1990	12/12	CĐ	GDTH	CĐ	GDTH	B	A	Hạng III	Giáo viên TH	15/04/2015	4/2015	5 năm 3 tháng		
69	TH 69	Trần Thị Xuân	07/03/1988	12/12	ĐH	SPTA	ĐH	SPTA	TPháp-B	B	Hạng II	Giáo viên TA	01/03/2015	3/2015	5 năm 4 tháng	Chất độc DC	
70	TH 70	Đoàn Thị Yến	11/06/1989	12/12	ĐH	GDTH	ĐH	GDTH	TA-A2	B	Hạng II	Giáo viên TH	10/10/2014	10/2014	5 năm 9 tháng		
71	TH 71	H' Yil Knul	04/05/1988	12/12	ĐH	GDTH	ĐH	GDTH	TA-A2	A	Hạng II	Giáo viên TH	19/10/2012	10/2012	7 năm 8 tháng	DTTS	

Danh sách này có 71 thí sinh

THƯ KÝ

mehus

Nguyễn Thị Anh Trúc

Krông Ana, ngày 27 tháng 8 năm 2020
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN



Chủ tịch UBND huyện
Võ Đại Huế